

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



LÊ KHẮC CÔNG

**PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ
DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ - năm 2022

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Đào Mộng Điệp**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	1
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn	4
7. Kết cấu của luận văn	4
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC.....	5
1.1. Khái quát về tổ chức quản lý DNNN.....	5
1.1.1. Khái niệm về DNNN.....	5
1.1.2. Đặc trưng về doanh nghiệp Nhà nước	5
1.1.3. Khái niệm về tổ chức quản lý doanh nghiệp Nhà nước.....	5
1.1.4. Đặc điểm và vai trò của tổ chức quản lý doanh nghiệp Nhà nước	6
1.2. Khái quát pháp luật về tổ chức quản lý DNNN	6
1.2.1. Khái niệm và đặc điểm pháp luật về tổ chức quản lý DNNN.....	6
1.2.2. Nội dung pháp luật về tổ chức quản lý DNNN.....	7
1.3. Các yếu tố tác động đến thực thi pháp luật về tổ chức quản lý DNNN.....	8
1.3.1. Mô hình tổ chức quản lý DNNN.....	8
1.3.2. Điều lệ doanh nghiệp	9
1.3.3. Thông lệ quốc tế.....	9
Tiểu kết Chương 1.....	10
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT TỔ CHỨC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI VIỆT NAM..	11
2.1. Thực trạng pháp luật về tổ chức quản lý DNNN	11
2.1.1. Quy định pháp luật về tổ chức quản lý DNNN.....	11
2.1.2. Đánh giá thực trạng quy định pháp luật về tổ chức quản lý DNNN.....	11
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN.....	13
2.2.1. Tình hình thực hiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN	13
2.2.2. Đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN	14
Tiểu kết Chương 2.....	15
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC	16
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN.....	16

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN để đảm bảo phù hợp với xu thế phát triển và định hướng, lộ trình cải cách kinh tế thị trường của Đảng và Nhà nước.	16
3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN phải tiếp cận với các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế (OECD)	16
3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN đảm bảo mọi doanh nghiệp đều bình đẳng trước pháp luật.	17
3.1.4. Hoàn thiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN trên cơ sở tôn trọng và phát huy quyền tự do kinh doanh.	17
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN.....	17
3.2.1. Hoàn thiện các quy định pháp luật về cơ cấu tổ chức của DNNN.....	17
3.2.2. Hoàn thiện quy định pháp luật về thực thi quyền chủ sở hữu vốn của Nhà nước tại DNNN	18
3.2.3. Hoàn thiện các quy định pháp luật về quy chế quản trị DNNN	18
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN.....	19
3.3.1. Nâng cao nhận thức của các DNNN về quản trị doanh nghiệp và pháp luật tổ chức quản lý DNNN.....	19
3.3.2. Nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, ý thức pháp luật cho đội ngũ cán bộ quản lý, giám sát của DNNN.....	19
3.3.3. Tăng cường áp dụng các chế tài pháp lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về tổ chức quản lý DNNN	19
Tiểu kết Chương 3	20
KẾT LUẬN	21
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	DNNN	Doanh nghiệp Nhà nước
2	LDN	Luật doanh nghiệp
3	QTDN	Quản trị doanh nghiệp
4	HĐTV	Hội đồng thành viên
5	TGD	Tổng Giám đốc
6	GD	Giám đốc
7	BKS	Ban kiểm soát
8	KSV	Kiểm soát viên
9	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Doanh nghiệp Nhà nước là loại hình doanh nghiệp tồn tại phổ biến ở hầu hết các quốc gia và ở Việt Nam hiện nay thì doanh nghiệp nhà nước (DNNN) giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường. Trước những thay đổi của nền kinh tế thế giới và đất nước, sự ra đời của Luật Doanh nghiệp (LDN) năm 2020, chính thức đưa ra một cách hiểu thống nhất về DNNN, chấm dứt sự tranh cãi về định nghĩa cũng như xây dựng một cơ cấu tổ chức quản lý chung đối với doanh nghiệp này. Các quy định này thể hiện nhiều điểm tiến bộ so với LDN năm 2014; 2005 và các văn bản pháp luật trước đây về DNNN.

Các quy định về DNNN nói chung và quy định về tổ chức quản lý DNNN nói riêng được quy định tại LDN năm 2020, nhìn chung, có phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội đất nước ta. Bên cạnh đó, hệ thống các văn bản pháp luật của nước ta về tổ chức quản lý DNNN đang bộc lộ những hạn chế và lỗ hổng quan trọng như: (i) Tổ chức quản lý DNNN theo tính chất đặc thù của DNNN chưa thực sự được đề cập trong LDN năm 2020; (ii) Chưa có một hệ thống các văn bản pháp lý đồng bộ, một chuẩn mực mang tính quy phạm về tổ chức quản lý DNNN để hạn chế các hành vi vi phạm trong quản trị, ngăn ngừa những xung đột lợi ích hay xử lý vấn đề liên quan đến chế độ chủ quản, thực hiện quyền sở hữu tại DNNN, giám sát điều hành và minh bạch thông tin về DNNN.

Để tạo nên nền kinh tế bình đẳng về loại hình doanh nghiệp, nhà làm luật cần phải điều chỉnh các quy định pháp luật về DNNN để đảm bảo tính minh bạch và công bằng giữa các DN tư nhân và DN quốc doanh. Từ đó, DNNN phải điều chỉnh mặt tổ chức quản lý nội bộ DN để đảm bảo tính phù hợp, tính cải tiến việc thực hiện pháp luật, là bước đà để DNNN ngày càng phát triển hơn, kinh doanh hiệu quả hơn và đáp ứng nhu cầu mong mỏi của người dân trong khu vực kinh tế nhà nước tiên tiến. Để các quy định của LDN năm 2020 được áp dụng vào thực tiễn cần có hệ thống pháp luật rõ ràng, minh bạch và chế tài nghiêm ngặt xử lý khi có hành vi trái pháp luật.

Từ các lý do trên, tác giả chọn đề tài “ **Pháp luật về tổ chức quản lý doanh nghiệp nhà nước**” làm đề tài luận văn thạc sĩ luật học chuyên ngành Luật kinh tế.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Ở khía cạnh pháp lý, đã có một công trình nghiên cứu khoa học nghiên cứu về pháp luật điều chỉnh tổ chức quản lý DNNN dưới các khía cạnh và cấp độ khác nhau (Luận văn, bài viết khoa học ...). Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu:

- Bài viết “Đổi mới quản lý đối với DNNN khi Việt Nam tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới” của tác giả Ninh Thị Minh Tâm, Hồ Sỹ Ngọc

đăng tải trên Tạp chí Quản lý nhà nước năm 2018 (Số 11). Bài viết đã phân định quản lý nhà nước với quản trị kinh doanh; khung khổ pháp lý và thông lệ quốc tế trong quản lý; vấn đề sở hữu tài sản, trí tuệ với DNNN; quan hệ thương mại về thuế, hải quan và xuất, nhập khẩu với các DNNN; thể lệ thành lập, quản lý và bổ nhiệm cán bộ, quản lý vốn nhà nước tại các DNNN; xác lập mô hình quản lý công ty; thực hiện tái cấu trúc DNNN theo yêu cầu và thể chế mới.

- Bài viết “Đổi mới quản trị doanh nghiệp sau cổ phần hóa và nâng cao hiệu quả quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp” của tác giả Lương Minh Hải đăng tải trên Tạp chí Quản lý nhà nước. Số 255 (4/2017). Theo tác giả bài viết nhận xét: “Đổi mới quản trị doanh nghiệp nhà nước trong bối cảnh mới cần chú trọng tách bạch chức năng đại diện sở hữu và quản lý nhà nước; xây dựng mô hình quản lý sử dụng vốn đầu tư kinh doanh của Nhà nước phù hợp tính chất nền kinh tế thị trường, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn kinh doanh của Nhà nước, hoàn thiện cơ chế, chính sách về cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước”.

- Bài viết “Quản trị DNNN ở Việt Nam và bài học kinh nghiệm của một số quốc gia” của tác giả Lê Quốc Khanh đăng trên Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (Số 2) năm 2019. Bài viết đã trình bày về thực trạng quản trị DNNN của Việt Nam và tham khảo bài học kinh nghiệm từ một số quốc gia trên thế giới.

- Luận văn thạc sĩ Luật học “Pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp” của tác giả Nguyễn Thị Mỹ Linh thực hiện tại Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2021. Luận văn đã phân tích thực trạng pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; từ đó đưa ra kiến nghị hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

- Luận văn thạc sĩ Luật học “Pháp luật về tổ chức quản lý DNNN và thực tiễn thi hành ở Việt Nam” của tác giả Đinh Tuyết thực hiện tại Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2021. Luận văn đã phân tích thực trạng và thực tiễn thực hiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN; từ đó đưa ra phương hướng, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về vấn đề này.

- Luận văn thạc sĩ Luật học “Pháp luật về cơ cấu tổ chức và quản lý DNNN” của tác giả Đặng Thị Mỹ Châu thực hiện tại Trường Đại học Kinh tế Luật (Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh) năm 2017. Luận văn đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức doanh nghiệp, đổi mới DNNN, quản lý sự thay đổi trong điều kiện mới, đó là sự cần thiết nhằm vận dụng những quy định của pháp luật hiện hành vào trong thực tiễn để từ đó có thể nhận ra được những ưu điểm cần được phát huy và có hướng đề xuất đối với những hạn chế, mâu thuẫn của các văn bản luật điều chỉnh liên quan.

Trên cơ sở các nghiên cứu đã thực hiện trước đó, luận văn kế thừa các vấn đề lý luận về DNNN; và pháp luật về tổ chức quản lý DNNN như khái niệm, đặc điểm. Đồng thời, các đánh giá thực trạng pháp luật & kiến nghị giải pháp hoàn

thiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN trong luận văn được tác giả xây dựng và phát triển trên cơ sở tham khảo các ý tưởng khoa học từ các công trình trước đó.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn đưa ra được những giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về tổ chức quản lý DNNN; từ đó góp phần thúc đẩy sự phát triển của môi trường kinh doanh.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Với mục đích như trên, nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn là:

- Nghiên cứu những cơ sở lý luận cơ bản pháp luật về tổ chức quản lý DNNN.
- Phân tích và đánh giá các quy định pháp luật Việt Nam về tổ chức quản lý

DNNN.

- Phân tích, và đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về tổ chức quản lý DNNN tại các ngân hàng thương mại.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Một số vấn đề lý luận về tổ chức quản lý DNNN và pháp luật về tổ chức quản lý DNNN.

- Các quy định pháp luật về tổ chức quản lý DNNN theo LDN năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Các số liệu báo cáo, thống kê về thực tiễn áp dụng pháp luật tổ chức quản lý DNNN tại Việt Nam trong thời gian vừa qua.

4.2 Phạm vi nghiên cứu

* Địa bàn nghiên cứu: Cả nước.

* Thời gian nghiên cứu: Từ năm 2016 đến năm 2021.

* Nội dung nghiên cứu: Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu thực trạng pháp luật về cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của DNNN theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) một thành viên; mà không đi vào đề cập các mô hình khác (công ty cổ phần; hoặc Công ty TNHH hai thành viên trở lên).

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin. Đồng thời, Luận văn vận dụng quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế nhà nước mà trọng tâm là các DNNN đối với sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu thứ cấp, phương pháp thống kê được sử dụng để thu thập, tổng hợp, đánh giá các tài liệu về thực trạng pháp luật tổ chức quản lý DNNN ở Việt Nam và các bài học, kinh nghiệm quốc tế.

- Phương pháp lịch sử, đối chiếu được sử dụng đối với nội dung nghiên cứu lược sử hình thành và phát triển pháp luật tổ chức quản lý DNNN ở Việt Nam qua từng giai đoạn cụ thể.

- Phương pháp so sánh và điển hình hoá được sử dụng để phân tích, đánh giá mô hình, pháp luật về tổ chức quản lý DNNN ở một số quốc gia khác trên thế giới; Đánh giá những hạn chế, nhược điểm, khiếm khuyết của pháp luật về tổ chức quản lý DNNN trong sự tương quan với các nguyên tắc tổ chức quản lý DNNN theo khuyến cáo của OECD.

- Phương pháp hệ thống hóa được sử dụng để hệ thống, dẫn chiếu các quy định, các văn bản pháp luật trong quá trình sử dụng, phân tích và đánh giá khung pháp luật, hiện trạng pháp luật về tổ chức quản lý DNNN.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

- Luận văn là cơ sở khoa học cho việc tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu hơn nữa đối với từng nội dung của pháp luật về tổ chức quản lý DNNN.

- Luận văn là nguồn tài liệu có tính hệ thống về kiến thức liên quan đến vấn đề tổ chức quản lý DNNN và pháp luật về tổ chức quản lý DNNN sử dụng trong việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học pháp lý.

- Luận văn là tài liệu tham khảo khoa học phục vụ cho công tác nghiên cứu, xây dựng, sửa đổi để hoàn thiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN của các cơ quan ban hành pháp luật.

- Luận văn là tài liệu tham khảo thiết thực cho các DNNN để thực hiện mục tiêu nâng cao hiệu quả tổ chức quản lý DNNN, hạn chế tình trạng thua lỗ kéo dài cũng như tình trạng thất thoát tài sản tại các DNNN hiện nay.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn bao gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về tổ chức quản lý DNNN

Chương 2: Thực trạng pháp luật về tổ chức quản lý DNNN và thực tiễn thực hiện pháp luật tại Việt Nam

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về tổ chức quản lý DNNN

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

1.1. Khái quát về tổ chức quản lý DNNN

1.1.1. Khái niệm về DNNN

DNNN là mô hình gần như không thể thiếu đối với tất cả các nền kinh tế trên thế giới. Mỗi quốc gia, mỗi cộng đồng quốc gia hay mỗi tổ chức thương mại đều có cách nhìn nhận riêng về DNNN. Do đó, quan điểm về DNNN ở mỗi quốc gia, cộng đồng hay tổ chức đó thường sẽ không giống nhau hoàn toàn vì ảnh hưởng của nhiều yếu tố như cơ chế, kinh tế, chính trị, định hướng phát triển... Thậm chí xét ở từng quốc gia cụ thể cũng có thể có sự khác nhau về quan điểm đối với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Tuy nhiên, điểm giống nhau giữa các cách định nghĩa là đều xem xét DNNN trên phương diện sở hữu. Việc xác định điều kiện như thế nào thì được coi là chủ sở hữu của DNNN sẽ quyết định trực tiếp đến cơ cấu sở hữu vốn, từ đó chi phối cả hình thức pháp lý cũng như mô hình quản trị của DNNN.

1.1.2. Đặc trưng về doanh nghiệp Nhà nước

Thứ nhất, về sở hữu và quyền chi phối: về lý thuyết, quyền chi phối hay quản lý doanh nghiệp là hệ quả của việc sở hữu phần vốn của Nhà nước trong doanh nghiệp.

Thứ hai, về hình thức pháp lý: DNNN được tổ chức và hoạt động dưới loại hình công ty TNHH một thành viên, tuy nhiên nó đặc biệt vì chủ sở hữu của nó đặc biệt là Nhà nước.

Thứ ba, về tư cách pháp lý và trách nhiệm tài sản: DNNN có tư cách pháp nhân từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp.

1.1.3. Khái niệm về tổ chức quản lý doanh nghiệp Nhà nước

Thứ nhất, xét về mặt ngôn ngữ học. “Tổ chức quản lý DNNN” là một khái niệm được cấu thành bởi các từ đó là “tổ chức”, “quản lý”, và “doanh nghiệp nhà nước¹”.

Thứ hai, xét dưới góc độ kinh tế học. Trong kinh tế học hiện nay mới chỉ nhắc nhiều đến khái niệm “quản trị công ty” mà không có khái niệm “tổ chức quản lý công ty”.

Thứ ba, dưới góc độ luật học. Theo Từ điển Luật học thì “quản lý” được định nghĩa là “tác động của chủ thể lên đối tượng theo mục tiêu nhất định²”.

¹ Hoàng Phê (2018), Từ điển tiếng Việt, Nxb. Hồng Đức

² Bộ Tư pháp (2006), Từ điển luật học, Nxb. Từ điển Bách khoa

1.1.4. Đặc điểm và vai trò của tổ chức quản lý doanh nghiệp Nhà nước

1.1.4.1. Đặc điểm về tổ chức quản lý doanh nghiệp Nhà nước

Thứ nhất, Chủ sở hữu có quyền chi phối lớn tới DNNN

Thứ hai, Người quản lý trong DNNN có vai trò quan trọng trong việc quản lý vốn Nhà nước

1.1.4.2. Vai trò của tổ chức quản lý doanh nghiệp Nhà nước

Thứ nhất, đối với bản thân DNNN

Thứ hai, đối với nền kinh tế

1.2. Khái quát pháp luật về tổ chức quản lý DNNN

1.2.1. Khái niệm và đặc điểm pháp luật về tổ chức quản lý DNNN

1.2.1.1. Khái niệm pháp luật về tổ chức quản lý DNNN

Sự tồn tại của DNNN trong các nền kinh tế của các quốc gia trên thế giới từ các quốc gia kém phát triển, đang phát triển hay phát triển đã chứng tỏ quan điểm để thị trường tự điều tiết, tự điều chỉnh của các quốc gia kinh tế tự do trước đây không phù hợp. Theo Keney (1935), sau cuộc đại suy thoái kinh tế thập niên 1930 đã chứng minh một thực tế là cần thiết phải xuất hiện vai trò của Nhà nước với tư cách là một nhà đầu tư thông qua hoạt động của các DNNN sản xuất kinh doanh, cung ứng dịch vụ chứ không đơn thuần chỉ can thiệp vào nền kinh tế bằng các chính sách³. Tuy nhiên, bên cạnh DNNN, cấu phần của một nền kinh tế còn có vai trò không thể thiếu của khu vực kinh tế tư nhân. Do đó, DNNN tham gia vào thị trường như thế nào để đảm bảo sự bình đẳng trong cạnh tranh, đảm bảo một thị trường không bị bóp méo là những mục tiêu mà pháp luật nói chung và pháp luật tổ chức quản lý DNNN nói riêng cần đạt tới. Trên cơ sở đó cộng với các nghiên cứu về những đặc thù của DNNN ở các phần trên, có thể khái quát pháp luật về tổ chức quản lý DNNN là tổng thể các nguyên tắc, các quy định pháp luật và quy chế của DNNN về cấu trúc tổ chức quản lý của DNNN và các biện pháp nhằm kiểm soát doanh nghiệp bảo vệ quyền lợi của chủ sở hữu, của các chủ thể có liên quan và của toàn xã hội.

1.2.1.2. Đặc điểm pháp luật về tổ chức quản lý DNNN

Hệ thống các quy định của pháp luật về tổ chức quản lý DNNN có các đặc điểm và cũng chính là điểm khác biệt của nhóm các quy định này so với các quy định khác về DNNN sau đây

Thứ nhất, mặc dù không phải là toàn bộ nhưng tổ chức quản lý DNNN hiện nay chủ yếu là đơn sở hữu với chủ sở hữu duy nhất là Nhà nước (trong đó có Việt Nam) hoặc nếu có các chủ sở hữu khác ngoài Nhà nước thì trong DNNN bao giờ vai trò của Nhà nước cũng mang tính quyết định, chi phối.

³ Nguyễn Thị Mai Dung (2005), Cơ cấu quản lý trong doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội

Thứ hai, Nhà nước vốn dĩ đã mang chức năng quản lý nhà nước và có vai trò tạo lập khung khổ pháp lý, do đó khi đồng thời là chủ sở hữu doanh nghiệp thì nguy cơ chồng lấn của chức năng quản lý nhà nước và chức năng chủ sở hữu doanh nghiệp rất dễ xảy ra.

Thứ ba, các DNNN hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực độc quyền Nhà nước và sản xuất và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích nên việc bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan hoàn toàn không dễ, tính công khai minh bạch thông tin cũng hạn chế.

Thứ tư, nếu như cơ chế quản trị ở các doanh nghiệp nói chung thông thường chỉ đặt ra trách nhiệm giải trình của bộ máy điều hành và HĐQT/HĐTV thì tổ chức quản lý DNNN gắn liền với trách nhiệm giải trình của các cơ quan đại diện, tổ chức đại diện, cụ thể là Chính phủ, các bộ và cơ quan đại diện chủ sở hữu.

1.2.2. Nội dung pháp luật về tổ chức quản lý DNNN

1.2.2.1. Nhóm các quy phạm pháp luật điều chỉnh về cơ cấu tổ chức của DNNN

Hiện tại, công ty TNHH một thành viên được tổ chức theo mô hình có HĐQT và mô hình không có HĐQT mà thay vào đó là Chủ tịch công ty. Theo đó, các thiết chế quản lý của DNNN bao gồm quy định về đại diện chủ sở hữu tại DNNN là HĐQT và Chủ tịch công ty, quy định về người điều hành hoạt động hàng ngày tại DNNN bao gồm Giám đốc (GD)/Tổng giám đốc (TGD) và quy định về Ban kiểm soát (BKS), Kiểm soát viên (KSV) trong DNNN.

Thứ nhất, quy định về HĐQT và Chủ tịch HĐQT

HĐTV của DNNN là một chế định đặc biệt ngay từ cơ cấu thành phần HĐQT. Theo đó, HĐQT bao gồm tất cả những người do cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm để trực tiếp thực hiện các quyền và trách nhiệm nhân danh chủ sở hữu tại doanh nghiệp.

Thứ hai, quy định về Chủ tịch công ty

Chủ tịch công ty là chế định chỉ có trong mô hình DNNN không có HĐQT. Chủ tịch công ty do cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm để trực tiếp thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện chủ sở hữu tại DNNN.

Thứ ba, quy định về Giám đốc (GD)/Tổng Giám đốc (TGD)

Trong tổ chức quản lý DNNN, pháp luật về GD/TGD nhìn chung cụ thể và chặt chẽ hơn so với các loại hình doanh nghiệp khác. Tuy nhiên, với đặc thù sở hữu của DNNN thì có thể lý giải được tại sao thiết chế về GD/TGD lại được sự điều chỉnh kỹ lưỡng như vậy.

Thứ tư, quy định về Ban kiểm soát (BKS)/Kiểm soát viên (KSV)

Việc bổ nhiệm một KSV hay thành lập BKS trong DNNN do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định căn cứ vào quy mô của DNNN. Chức năng của BKS/KSV trong tổ chức quản lý DNNN là giám sát. Giám sát từ việc thực hiện

các mục tiêu, chiến lược, hoạt động của công ty cho đến việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HĐQT, Chủ tịch công ty, Chủ tịch HĐQT, GD/TGD trong DNNN.

1.2.2.2. Nhóm các quy phạm pháp luật điều chỉnh về quyền chủ sở hữu vốn của Nhà nước tại DNNN

Đây là nội dung mang tính đặc thù xuất phát từ đặc trưng về sở hữu của DNNN mà nguồn gốc của nó là sở hữu toàn dân. Hoạt động của Nhà nước trong vai trò đại diện chủ sở hữu tích cực và trách nhiệm để đảm bảo hoạt động tổ chức quản lý DNNN có hiệu quả là nội dung bao trùm nhiều khía cạnh. Hiện tại, chưa có sự thống nhất trong quan điểm hay mô hình cụ thể hướng dẫn hoạt động của Nhà nước trong vai trò đại diện chủ sở hữu⁴. Tuy nhiên, mẫu số chung cho hầu hết pháp luật các quốc gia trên thế giới là chuyển đổi DNNN hoạt động theo chế độ công ty thuận lợi cho việc tách chức năng sở hữu nhà nước khỏi chức năng quản lý doanh nghiệp và phân chia quyền sở hữu giữa chủ sở hữu nhà nước với người quản lý và sử dụng vốn của Nhà nước trong doanh nghiệp (tư nhân hóa về hình thức pháp lý doanh nghiệp).

1.3. Các yếu tố tác động đến thực thi pháp luật về tổ chức quản lý DNNN

1.3.1. Mô hình tổ chức quản lý DNNN

Hoạt động của bất kỳ doanh nghiệp nào chứ không chỉ riêng DNNN đều phải có sự quản lý, điều hành của các nhà QTDN. Trong doanh nghiệp, chủ đầu tư có thể tham gia vào Ban quản trị, HĐQT hay Ban GD cũng có thể thuê GD điều hành doanh nghiệp. Ở vị trí quản lý, điều hành doanh nghiệp, yêu cầu về trình độ, năng lực, ý thức trách nhiệm của các chủ thể quản lý không chỉ cần để đảm bảo việc xây dựng được các chiến lược, lập kế hoạch và ra quyết định quản lý mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến việc tuân thủ pháp luật của chủ thể quản lý. Thậm chí với một chủ thể quản lý có trình độ và trách nhiệm, bằng kinh nghiệm thực tiễn quản trị của mình còn có thể đưa ra phản biện, góp ý, yêu cầu sửa đổi chính sách, pháp luật tổ chức quản lý theo hướng tích cực.

Xuất phát từ đặc thù, Nhà nước là chủ sở hữu nhưng không thể trực tiếp quản lý hoạt động của doanh nghiệp mà phải thông qua các cá nhân đại diện. Đó chính là các chủ thể quản lý được Nhà nước bổ nhiệm để đại diện cho Nhà nước quản lý vốn, tài sản của Nhà nước trong DNNN. Điều này dẫn đến hai vấn đề:

Thứ nhất, việc bổ nhiệm (chứ không phải thuê) sẽ không loại trừ được người đứng đầu DNNN là những cá nhân không đủ năng lực, thiếu kiến thức quản trị. Bởi vì đúng như Krueger (1990) nhận định: các DNNN cũng có nhiều khả năng

⁴ Đỗ Thị Kim Tiên (2014), Hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp nhà nước nhằm đảm bảo sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật. Số 4/2014, tr. 27 - 31.

bị ép buộc phải thuê quản lý hoặc nhân viên vì lý do chính trị, chứ không phải là nhu cầu hoặc trình độ kinh doanh⁵

Thứ hai, bản thân chủ thể được bổ nhiệm sẽ quản lý một lượng tài sản, tiền không lồ không do họ làm ra, không phải của họ mà của chủ sở hữu là Nhà nước. Do đó, xung đột về lợi ích giữa chủ thể quản lý doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp là không thể tránh khỏi trong trường hợp người sở hữu và người quản lý phân định rõ ràng như thế này.

1.3.2. Điều lệ doanh nghiệp

Điều lệ doanh nghiệp là bản thỏa thuận giữa những thành viên với nhau cùng được soạn căn cứ trên những quy định chung của luật pháp để ấn định cách tạo lập, hoạt động và giải thể của một doanh nghiệp⁶. Với ý nghĩa đó, Bản điều lệ giống như một bản hợp đồng có “tính chất quy định”, là “pháp luật con” của doanh nghiệp. Tuy nhiên, vì doanh nghiệp là “con người do pháp luật đặt ra” nên khác với các bản hợp đồng thông thường, Bản điều lệ có giá trị đối với những người thứ ba và buộc họ phải chấp nhận khi giao dịch với công ty⁷. Với nội dung phong phú, Điều lệ là một yếu tố tác động lớn đến tổ chức quản lý nội bộ DNNN. Điều đó thể hiện qua một số điểm cơ bản sau:

(i) Điều lệ doanh nghiệp chứa đựng một phần các quy định về quản lý nội bộ doanh nghiệp.

(ii) Điều lệ doanh nghiệp là văn bản thể hiện phương hướng phát triển doanh nghiệp nói chung, và phương hướng phát triển quản lý nội bộ DNNN nói riêng.

1.3.3. Thông lệ quốc tế

Hoạt động của các DNNN trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế không chỉ giới hạn trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia mà còn hội nhập với kinh tế thế giới, tham gia tích cực vào các giao dịch thương mại mang tính toàn cầu. Theo số liệu thống kê của Fortune Global 50 thì nếu năm 2000 mới chỉ có một DNNN được xếp vào nhóm 50 doanh nghiệp lớn nhất thế giới thì đến năm 2015, con số này đã là 12 DNNN. Khi tham gia ký kết vào một hiệp định thương mại nào đó, đồng nghĩa với việc các nước cùng ký kết phải chấp nhận luật chơi chung của hiệp định, chính sách, pháp luật quốc gia cũng buộc phải điều chỉnh để phù hợp với thông lệ và luật pháp quốc tế.

⁵ Nguyễn Ngọc Hà (2005), Kinh nghiệm tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước tại một số nước Châu Á, Tạp chí Tài chính Số 623, tr.54-55

⁶ Xem tại: <https://luatminhkhue.vn/dieu-le-cong-ty-la-gi---khai-niem-ve-dieu-le-cua-cong-ty.aspx>

⁷ Phan Thị Mai (2011), Điều lệ pháp nhân theo pháp luật Việt nam, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật ĐHQGHN

Tiểu kết Chương 1

Với mục đích và nhiệm vụ đã đặt ra, trong phạm vi Chương 1, Luận văn đã tập trung làm rõ các vấn đề lý luận về DNNN; tổ chức quản lý DNNN và pháp luật về tổ chức quản lý DNNN. Theo đó, Tổ chức quản lý DNNN là sự phân định rõ ràng quyền, nghĩa vụ của từng bộ phận, vị trí trong bộ máy quản lý nội bộ của DNN theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo tổ chức hoạt động của DNNN được diễn ra một cách hiệu quả nhất. Pháp luật về tổ chức quản lý DNNN là tổng thể các nguyên tắc, các quy định pháp luật và quy chế của DNNN về cấu trúc tổ chức quản lý của DNNN và các biện pháp nhằm kiểm soát doanh nghiệp bảo vệ quyền lợi của chủ sở hữu, của các chủ thể có liên quan và của toàn xã hội.

Qua đó, cho thấy đảm bảo được một cơ chế tổ chức quản lý hiệu quả thì Nhà nước cần phải xây dựng những điều kiện để đảm bảo cho việc tổ chức quản lý ở các DNNN đồng bộ, hiệu quả và đạt được những mục tiêu phát triển kinh tế đã đề ra. Chúng ta cũng thấy rằng việc duy trì và phát triển DNNN thật sự là cần thiết, nó góp phần làm đa dạng các loại hình kinh doanh hiện nay. Cùng với việc ban hành các văn bản pháp luật mới thay thế, điều chỉnh về DNNN, Nhà nước đã thay đổi khái niệm về DNNN, thu hẹp dần phạm vi đối tượng DNNN, đây cũng là xu hướng tất yếu của nền kinh tế thị trường hiện nay.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT TỔ CHỨC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật về tổ chức quản lý DNNN

2.1.1. Quy định pháp luật về tổ chức quản lý DNNN

Nhằm xây dựng cách thức tổ chức quản lý thống nhất trong tất cả các DNNN, Điều 90 LDN năm 2020 xác định các DNNN có thể lựa chọn một trong hai mô hình tổ chức tương ứng của loại hình công ty TNHH một thành viên là tổ chức đó là: (1) Mô hình Chủ tịch công ty gồm Chủ tịch công ty, GD hoặc TGD, BKS; (2) Mô hình HĐTV gồm HĐTV, GD hoặc TGD, BKS. Việc lựa chọn mô hình tổ chức quản lý của DNNN sẽ do “cơ quan đại diện chủ sở hữu” quyết định Theo Điều 90 LDN năm 2020, có thể thấy việc tổ chức quản lý nội bộ trong DNNN (công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu) mang bản chất của loại hình công ty đối vốn theo thông lệ chung, việc quản lý tổ chức công ty có sự tách biệt giữa quyền sở hữu và quyền đại diện quản lý, điều hành và kiểm soát các hoạt động của công ty. Về cơ bản LDN năm 2020 vẫn tiếp thu và sử dụng các quy định đã được ban hành trong LDN năm 2014 và 2005. Tuy nhiên, LDN năm 2020 cũng có những điều khác biệt nhất định thể hiện sự tiến bộ và đổi mới trong nhận thức về công ty TNHH một thành viên là nhà nước.

Thứ nhất, Hội đồng thành viên (HĐTV)

Thứ hai, Chủ tịch công ty

Thứ ba, Giám đốc (GD), Tổng Giám đốc (TGD).

Thứ tư, Ban kiểm soát (BKS), Kiểm soát viên (KSV).

2.1.2. Đánh thực trạng quy định pháp luật về tổ chức quản lý DNNN

2.1.2.1. Thực trạng quy định pháp luật về cơ cấu tổ chức của DNNN

Thứ nhất, Những kết quả đạt được

Một là, việc DNNN hoạt động theo mô hình điều chỉnh của LDN như các doanh nghiệp khác tạo môi trường pháp lý bình đẳng giữa các doanh nghiệp khác nhau về chủ sở hữu.

Hai là, sự tự chủ và năng động hơn trong mô hình công ty TNHH một thành viên là nền tảng để DNNN áp dụng cơ cấu quản trị hiện đại, tách bạch giữa quản lý và điều hành, thực hiện các trách nhiệm giám sát cũng như bảo vệ các vấn đề liên quan đến trách nhiệm và lợi ích của chủ sở hữu.

Ba là, mô hình công ty TNHH một thành viên của DNNN cơ bản không còn tình trạng các cơ quan quản lý nhà nước áp dụng trực tiếp các công cụ quản lý hành chính Nhà nước để quyết định các vấn đề của chủ sở hữu với doanh nghiệp.

Thứ hai, Những hạn chế, tồn tại

Một là, vai trò của KSV trong DNNN theo LDN năm 2020 là rất lớn nhưng thực tế lại không nhiều người hội tụ trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực đáp ứng nhiệm vụ và cả đạo đức nghề nghiệp...

Hai là, việc tồn tại một số khác biệt về quản lý, giám sát và đánh giá của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp; về quyền hạn, nhiệm vụ cũng như thù lao và các lợi ích khác của HĐQT và các chức danh quản lý giữa công ty TNHH một thành viên độc lập với công ty TNHH một thành viên là công ty mẹ trong các tập đoàn kinh tế nhà nước cũng đang là một vấn đề gây khó khăn cho khả năng áp dụng chung mô hình tổ chức quản lý DNNN.

Ba là, mặc dù đã chuyển đổi mô hình công ty TNHH một thành viên nhưng thực tế đội ngũ cán bộ lãnh đạo trong các DNNN vẫn là những người trong bộ máy doanh nghiệp cũ, vẫn mang tư duy quản lý và cách thức quản lý cũ vào mô hình mới, dẫn đến khó tạo được “đột phá”, chưa kể còn hạn chế sự sáng tạo trong hoạt động quản lý của các DNNN⁸.

Bốn là, dù pháp luật doanh nghiệp đã cấm vấn đề kiêm nhiệm các chức vụ quản lý điều hành của thành viên HĐQT công ty mẹ ở các công ty thành viên nhưng trên thực tế vẫn chưa thực hiện triệt để dẫn đến việc khó số sự khách quan và tách bạch giữa lợi ích chung của công ty mẹ với các công ty thành viên có sự kiêm nhiệm quản lý.

Năm là, cơ chế xác định đầu mối chủ sở hữu nhà nước tại các DNNN chưa có chuyển biến rõ rệt.

2.1.2.2. Thực trạng quy định pháp luật về thực thi quyền chủ sở hữu vốn của Nhà nước tại DNNN

Thứ nhất, Những kết quả đạt được

Đến thời điểm hiện tại, kết quả lớn nhất mà khung pháp luật về tổ chức quản lý DNNN mang lại là bước đầu xây dựng được nền tảng pháp lý cho môi trường kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng giữa DNNN với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Liên quan trực tiếp đến các nội dung tổ chức quản lý DNNN, khung pháp lý đề cập những vấn đề quan trọng sau đây:

Một là, về chủ sở hữu nhà nước và quan hệ giữa chủ sở hữu nhà nước với DNNN;

Hai là, về mô hình tổ chức quản lý công ty DNNN;

Ba là, các nội dung cụ thể như quyền sở hữu, công khai minh bạch, giao dịch có khả năng tư lợi, đảm bảo lợi ích các bên có liên quan...

Bốn là, khung pháp lý đã thống nhất mục tiêu điều chỉnh cơ cấu chủ sở hữu theo mô hình công ty TNHH một thành viên để DNNN không còn là đối tượng được đặc cách của các quy định pháp luật chung.

⁸Đào Thị Minh Thanh (2015), Vài đánh giá về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, Tạp chí Tài chính, Số 5(608), tr.59-61

Năm là, khung pháp lý quy định rõ ràng hơn đối với việc phân công, phân cấp thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu trong mối quan hệ giữa chủ sở hữu, đại diện chủ sở hữu và DNNN.

Thứ hai, Những tồn tại, hạn chế của pháp luật

Một là, các quy định pháp luật về chủ sở hữu DNNN hiện nay vẫn chưa phân định được chức năng chủ sở hữu với các chức năng khác,

Hai là, Mặc dù Luật Phá sản năm 2014 không loại trừ đối tượng điều chỉnh là DNNN,

Ba là, pháp luật gắn DNNN vào mô hình công ty TNHH một thành viên, mô hình mà bất cứ nhà đầu tư là tổ chức nào cũng có thể lựa chọn

Bốn là, pháp luật chưa tách bạch được trách nhiệm sản xuất, cung ứng dịch vụ công ích và các trách nhiệm khác của DNNN.

Năm là, mặc dù tinh thần chung của pháp luật doanh nghiệp Việt Nam là bình đẳng về mọi mặt giữa DNNN với các doanh nghiệp ngoài Nhà nước.

Sáu là, cơ chế pháp lý chưa đảm bảo bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực tài chính.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN

2.2.1. Tình hình thực hiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN

Trong những năm qua, các hoạt động tổ chức quản lý hay sản xuất kinh doanh của DNNN và DN có cổ phần, vốn góp của Nhà nước đều có sự tăng trưởng đáng kể về doanh thu, lợi nhuận và đóng góp ngày càng lớn vào ngân sách nhà nước và tình hình phát triển của nền kinh tế.

Chính việc không tách bạch giữa chức năng quản lý và hoạt động kinh tế, nên khi DNNN thua lỗ, hay thất bại trong kinh doanh, việc chỉ rõ trách nhiệm của từng chủ thể rất khó. Điều này cho thấy sự chồng lấn, không phân định các chính sách điều hành của cơ quan quản lý nhà nước và chủ sở hữu DNNN.

Thứ nhất, cơ chế thực hiện quyền chủ sở hữu của Nhà nước đối với tài sản đầu tư vào kinh doanh tại doanh nghiệp vẫn chưa tách bạch rõ ràng giữa quản lý của chủ sở hữu với quản lý của Nhà nước với tư cách là cơ quan công quyền quản lý chung đối với các loại hình doanh nghiệp.

Thứ hai, cơ chế công khai thông tin trong DNNN còn mang tính hình thức, chưa được tuân thủ nghiêm chỉnh

Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động của Tổng công ty cũng còn nhiều điểm chưa phù hợp, Việc thực hiện vai trò đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước thông qua ủy quyền người đại diện còn một số bất cập.

Thứ nhất, cơ chế thực hiện quyền chủ sở hữu của Nhà nước đối với tài sản đầu tư vào kinh doanh tại doanh nghiệp vẫn chưa tách bạch rõ ràng giữa quản lý của chủ sở hữu với quản lý của Nhà nước với tư cách là cơ quan công quyền quản lý chung đối với các loại hình doanh nghiệp.

Thứ hai, trong khi pháp luật có sự phân công, phân cấp cho nhiều cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện quyền, nghĩa vụ của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với DNNN thì một chủ thể quan trọng là Quốc hội lại không được đề cập tới Quốc hội là cơ quan đại diện cho toàn thể nhân dân, phải được quyền giám sát hiệu quả quản lý, sử dụng vốn thuộc sở hữu toàn dân.

2.2.2. Đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN

2.2.2.1. Những vướng mắc phát sinh từ thực tiễn thực hiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN

Thứ nhất, liên quan đến các lỗ hổng về quản trị nêu trên còn là vấn đề chông chéo giữa các nội dung quản lý, giám sát của nhiều cơ quan quản lý khác nhau, ngoài Bộ chủ quản, theo Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp còn có Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cũng tham gia giám sát các DNNN ở những nội dung khác nhau. Điều này dẫn đến những khó khăn trong việc xác định lỗi quản lý thuộc về cơ quan nào khi xảy ra sai phạm trong DNNN.

Thứ hai, thể hiện yếu kém trong mô hình tổ chức quản lý DNNN còn là ở chỗ chưa xác định rõ ràng vai trò của Nhà nước trong tổ chức quản lý DNNN cũng như việc phân định mục tiêu lợi nhuận hay mục tiêu công ích của DNNN.

Thứ ba, mặc dù hiện nay pháp luật đã quy định, cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan quản lý nhà nước không can thiệp trực tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp,

Ngoài ra, sự tồn tại song song của hai chức năng đại diện chủ sở hữu và quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sẽ rất khó xóa bỏ việc tham gia của chủ sở hữu nhà nước vào hoạt động của DNNN trong đó có HĐTV. Một khi pháp luật vẫn còn quy định cơ chế khen thưởng, kỷ luật HĐTV do cơ quan chủ sở hữu hay bỏ nhiệm GD/TGD cũng cần ý kiến của cơ quan chủ sở hữu...

Thứ tư, việc thực thi các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước tại DNNN còn nhiều bất cập. Hiện nay, phân cấp thực hiện quyền chủ sở hữu trong các bộ chủ quản khá chông chéo.

Thứ năm, vấn đề quản lý, giám sát, đánh giá DNNN và thực hiện chức năng chủ sở hữu nhà nước còn bất cập; hệ thống thông tin không đầy đủ, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý, giám sát của cơ quan chức năng.

2.2.2.2. Nguyên nhân của vướng mắc

Thứ nhất, Nhận thức về kinh tế thị trường đầy đủ, hội nhập, vấn đề trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho DNNN, sử dụng DN làm công cụ điều tiết kinh tế, vấn đề tách bạch chức năng chủ sở hữu nhà nước với chức năng quản lý nhà nước là nội dung cốt yếu của tổ chức quản lý DNNN, nhưng chưa có quan điểm thống nhất giữa các cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng pháp luật có nội dung quản trị DN đã tạo nên vướng mắc trong thể chế hóa và tổ chức thực hiện.

Thứ hai, Trong phạm vi đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn của doanh nghiệp thì vấn đề việc xác định vốn/tài sản của DN còn thiếu sự thống nhất, chưa hiểu đúng theo quy định của Bộ luật Dân sự,

Thứ ba, Các chính sách liên quan đến quản lý nhà nước đối với DNNN chưa thực sự rõ ràng, thống nhất trong cách hiểu về những thuật ngữ liên quan đến DNNN trong hệ thống các văn bản.

Thứ tư, Việc rà soát, phê duyệt các phương án sử dụng đất của DNNN còn gặp khó khăn do nhiều nguyên nhân khách quan. Quy trình, thủ tục phê duyệt bị mất nhiều thời gian do lịch sử pháp lý đất đai phức tạp, địa phương phê duyệt chậm, kéo dài thời gian hơn so với dự kiến.

Tiểu kết Chương 2

Trong phạm vi nội dung Chương 2, tác giả tập trung phân tích và đánh giá thực trạng các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về tổ chức quản lý DNNN; đồng thời luận văn tập trung làm rõ thực tiễn thực hiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN trong thời gian vừa qua. Qua đó cho thấy, việc không đồng nhất trong khung pháp lý sẽ gây ra những cản trở cho chính DNNN trong quá trình tổ chức quản lý, không đạt được kết quả tốt, khiến cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không phát huy và thực hiện được vai trò mà Đảng và Nhà nước đã đề ra. Chính vì vậy, các quy định của pháp luật về tổ chức quản lý DNNN cần có những sửa đổi, bổ sung cho tương lai, để hoàn thiện và đưa DNNN trở thành trụ cột vững chắc cho nền kinh tế Việt Nam.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN để đảm bảo phù hợp với xu thế phát triển và định hướng, lộ trình cải cách kinh tế thị trường của Đảng và Nhà nước.

Cơ sở để tiến hành xây dựng hoàn thiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN phải dựa trên điều kiện và trình độ phát triển của nền kinh tế. Sau nhiều nỗ lực của Chính phủ trong điều hành nền kinh tế những năm gần đây, nền kinh tế đã có những tín hiệu tích cực, tăng trưởng kinh tế có bước phục hồi, lạm phát được kiểm soát, kinh tế vĩ mô ổn định tốt hơn, xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng cao, nguồn vốn đầu tư tăng. Tốc độ phát triển kinh tế (GDP) giai đoạn 2016-2020 đạt 5,91%/năm, không đạt mục tiêu đề ra tại Đại hội XI của Đảng là tăng từ 7% đến 7,5%/năm. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2020 ước tính tăng 6,21% so với năm 2019. Mức tăng trưởng GDP năm 2020 tuy thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2019 và không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, giá cả và thương mại toàn cầu giảm, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công, khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, hiệu quả của các biện pháp, giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng thực hiện⁹.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN phải tiếp cận với các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế (OECD)

Mặc dù đã có Bộ nguyên tắc tổ chức quản lý DNNN của OECD, có những thay đổi bước đầu của pháp luật trong nước nhằm hướng tới các mục tiêu quản trị hiện đại. Tuy nhiên, trên thực tế tổ chức quản lý DNNN vẫn ít nhiều còn chịu ảnh hưởng của cách thức quản trị lạc hậu, còn áp đặt ý chí của chủ sở hữu vào QTDN. Vì vậy, khoảng cách giữa tổ chức quản lý DNNN trên thực tế so với các quy định pháp luật về tổ chức quản lý DNNN chưa đạt được, so với các tiêu chuẩn quản trị hiện đại lại càng xa. Do đó, bản thân các DNNN có thể thúc đẩy việc áp dụng các thông lệ quản trị quốc tế hiện đại doanh nghiệp mình thông qua Điều lệ, thông qua việc xây dựng các quy tắc quản trị nội bộ trong doanh nghiệp căn cứ vào hướng dẫn của OECD về tổ chức quản lý DNNN. Xây dựng chi tiết theo các

⁹ Xem tại: <https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2021/07/Nien-giam-Tom-Tat-2020Ban-quyen.pdf>

khuyến nghị cụ thể của OECD và xác định lộ trình thực hiện. Những nguyên tắc dễ đạt được làm trước, và tăng dần lên các nguyên tắc khó thực hiện hơn.

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN đảm bảo mọi doanh nghiệp đều bình đẳng trước pháp luật.

Đối với nền kinh tế thị trường, với sự đa dạng của các thành phần kinh tế thì việc áp dụng nguyên tắc mọi doanh nghiệp đều bình đẳng trước pháp luật là rất quan trọng. Nó thể hiện được sự công bằng của Nhà nước đối với hoạt động của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế khác nhau.

Bình đẳng ở đây là bình đẳng về cơ hội, về điều kiện, về chính sách đầu tư, chính sách thuế, bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong hoạt động kinh doanh, bình đẳng về khả năng cạnh tranh, giúp cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế nói chung và DNNN nói riêng đều có thể tìm thấy chỗ đứng trong cùng một “sân chơi bình đẳng” là mặt bằng của nền kinh tế. Không để các doanh nghiệp tư nhân cảm thấy có sự bảo hộ của Nhà nước quá lớn đối với các DNNN.

3.1.4. Hoàn thiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN trên cơ sở tôn trọng và phát huy quyền tự do kinh doanh.

Quyền tự do kinh doanh là một trong những quyền cơ bản của công dân, của các chủ thể kinh doanh, được hầu hết các nước trên thế giới tôn trọng, bảo vệ. Ở Việt Nam, quyền tự do kinh doanh đó được khẳng định tại Điều 33 Hiến pháp năm 2013. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật doanh nghiệp phải có những quy định khẳng định rõ và đảm bảo quyền tự do kinh doanh của công dân. Thực hiện được nguyên tắc này chính là động lực chủ yếu khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia tích cực vào hoạt động lao động, sản xuất khơi dậy nguồn lực, phát huy tối đa sức mạnh nhân dân, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN

3.2.1. Hoàn thiện các quy định pháp luật về cơ cấu tổ chức của DNNN

3.2.1.1. Quy định về Hội đồng thành viên

HĐTV hoặc Chủ tịch công ty là người đại diện trực tiếp của Nhà nước tại DNNN. Đây là cơ quan có quyền quyết định cao nhất đối với việc tổ chức quản lý trong DNNN. Về cơ bản LDN năm 2020 đã xây dựng được các quy định về cơ chế bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức các thành viên HĐTV, Chủ tịch HĐTV khá đầy đủ và khoa học. Tuy nhiên, như đã phân tích trong nội dung của Chương 2 của Luận văn, các quy định về HĐTV trong DNNN theo LDN năm 2020 cũng còn một số vướng mắc cần được giải thích cụ thể trong các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thứ nhất, đối với quy định về số lượng thành viên tối thiểu trong HĐTV của DNNN. Về nguyên tắc, các DNNN theo LDN năm 2020 sẽ phải tuân thủ các điều kiện cơ bản của loại hình công ty TNHH một thành viên là tổ chức, bao gồm cả điều kiện về số lượng thành viên tối đa và tối thiểu trong HĐTV công ty.

Thứ hai, về việc bảo lưu ý kiến của thành viên HĐQT khi có sự bất đồng ý kiến với các thành viên khác trong cuộc họp HĐQT. LDN năm 2014 và LDN năm 2020 đều chưa xây dựng các quy định cụ thể về cơ chế để thực hiện quyền này của HĐQT như thế nào.

3.2.1.2. Quy định về Giám đốc, Tổng Giám đốc

Khác với vai trò quản lý chung của HĐQT và Chủ tịch công ty trong việc nhân danh công ty và cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước để thực hiện tổ chức quản lý DNNN, GD hoặc TGD là người được HĐQT hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm hoặc thuê tùy theo nhu cầu của công ty để thay mặt HĐQT hoặc Chủ tịch công ty triển khai các kế hoạch, phương án hoạt động do cơ quan này đưa ra (chức năng điều hành doanh nghiệp). Các quy định về quyền và nghĩa vụ, cơ chế hoạt động, mối quan hệ của GD hoặc TGD với cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm chức danh này của LDN năm 2020 đều khá hoàn chỉnh và rõ ràng. Tuy nhiên, quy định về việc cho phép Chủ tịch công ty và các thành viên khác của HĐQT công ty được quyền kiêm nhiệm chức danh GD hoặc TGD trong cùng một doanh nghiệp nếu Điều lệ không quy định khác sẽ gặp vướng mắc trong việc thực thi.

3.2.2. Hoàn thiện quy định pháp luật về thực thi quyền chủ sở hữu vốn của Nhà nước tại DNNN

Thứ nhất, Chính phủ phải xây dựng được hệ thống các chế định về sở hữu trong đó xác định cụ thể mục tiêu chung của sở hữu nhà nước, vai trò của Nhà nước trong tổ chức quản lý DNNN và phương pháp thực thi chính sách sở hữu của Nhà nước.

Thứ hai, cần có các quy định hướng dẫn cụ thể hơn việc tham gia của chủ sở hữu nhà nước vào công việc quản lý hàng ngày của DNNN.

Thứ ba, pháp luật về tổ chức quản lý DNNN hiện nay cần xem xét lại quy định HĐQT “do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc khen thưởng, kỷ luật” trong Luật Doanh nghiệp.

Thứ tư, xây dựng quy trình đề cử HĐQT cụ thể và minh bạch; Thiết lập các hệ thống báo cáo cho phép giám sát và đánh giá thường xuyên hiệu quả của DNNN và đảm bảo thông tin kịp thời đến cơ quan điều phối.

3.2.3. Hoàn thiện các quy định pháp luật về quy chế quản trị DNNN

Thứ nhất, Để tương thích với thông lệ QTDN hiện đại cũng như đảm bảo cạnh tranh công bằng và quyền lợi cho các chủ nợ, pháp luật tổ chức quản lý DNNN cần hoàn thiện theo hướng quy định cho phép các chủ nợ được quyền khởi xướng, đề nghị mở các thủ tục giải thể, phá sản DNNN và DNNN cũng “không được miễn trừ khỏi việc áp dụng các quy định pháp luật chung”.

Thứ hai, đối với các DNNN hoạt động sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích, an ninh, quốc phòng cần có những quy định pháp luật rõ ràng nhằm

đảm bảo sự minh bạch về điều kiện tài chính, quyết toán và kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

Thứ ba, hoàn thiện các quy định về tiếp cận tài chính để đảm bảo cơ sở pháp lý cho sự cạnh tranh bình đẳng giữa DNNN với các doanh nghiệp thuộc các thành phần sở hữu khác.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN

3.3.1. Nâng cao nhận thức của các DNNN về quản trị doanh nghiệp và pháp luật tổ chức quản lý DNNN

Những kiến thức về QTDN nói chung, tổ chức quản lý DNNN nói riêng cũng như các nội dung pháp luật liên quan là nền tảng cơ bản dẫn dắt ý thức thi hành tốt pháp luật của các đối tượng chịu ảnh hưởng bởi pháp luật QTDN. Việc có hiểu biết và nhận thức đúng đắn về tổ chức quản lý DNNN cũng như pháp luật về tổ chức quản lý DNNN sẽ giúp các chủ thể quản trị hiểu vai trò của QTDN và tầm quan trọng của việc thi hành tốt pháp luật tổ chức quản lý DNNN đối với hiệu quả hoạt động của DNNN. Do đó, cần thiết phải chú trọng công tác đào tạo, phổ biến, giáo dục pháp luật về tổ chức quản lý DNNN cho tất cả các thành viên HĐQT, thành viên Ban điều hành, BKS, KSV trong DNNN, các bên liên quan và cả cộng đồng.

3.3.2. Nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, ý thức pháp luật cho đội ngũ cán bộ quản lý, giám sát của DNNN

Những vụ án điển hình gần đây như vụ án Tập đoàn dầu khí đầu tư vào Ngân hàng Đại dương hay vụ án Vinashin trước đó với những thiệt hại nặng nề đều bắt đầu từ các quyết định hoặc là sai lầm hoặc là liêu lĩnh của đội ngũ cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp. Thực tế này cho thấy, ý thức chấp hành pháp luật của đội ngũ cán bộ quản lý, giám sát của DNNN còn hạn chế, thậm chí nhận thức về vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của vị trí mình đảm nhiệm trong hoạt động tổ chức quản lý DNNN còn chưa đầy đủ. Điều đó dẫn đến những hành vi liêu lĩnh, bất chấp luật pháp hoặc thờ ơ, mơ hồ, dung túng với những vi phạm xảy ra trong hoạt động tổ chức quản lý DNNN và hậu quả khôn lường cho xã hội¹⁰.

3.3.3. Tăng cường áp dụng các chế tài pháp lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về tổ chức quản lý DNNN

Để đảm bảo tính hiệu quả trong thực thi pháp luật về tổ chức quản lý DNNN, cần sự mạnh tay của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vi phạm trong tổ chức quản lý DNNN. Sở dĩ đặt ra vấn đề này vì việc thực hiện được nó đối với các doanh nghiệp khởi tư nhân không khó nhưng đối với DNNN là một thử thách lớn bởi tính đặc thù của nó. DNNN xưa nay quen được ưu tiên và phụ

¹⁰ Lưu Thành Đạt (2021), Pháp luật về đại diện của sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Mở Hà Nội,

thuộc vào sự quản lý hành chính của Nhà nước đồng thời là chủ sở hữu. Do đó, đặc quyền và những mối quan hệ hành chính rườm rà của DNNN với các cơ quan quản lý nhà nước, giữa các nhóm lợi ích liên quan... ảnh hưởng rất nhiều đến việc siết chặt kỷ cương, khiến cho việc đảm bảo các chế tài đối với DNNN rất khó thực thi.

Tiểu kết Chương 3

Từ thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN trong thời gian qua mặc dù xây dựng được khá nhiều quy định song vẫn chưa đáp ứng được các yêu cầu thực tiễn. Các quy định còn bộc lộ những khiếm khuyết, khó thi hành, thiếu đồng bộ, nhiều quy định chưa tương thích với các thông lệ QTDN hiện đại. Đặc biệt là hiệu quả áp dụng pháp luật tổ chức quản lý DNNN vào thực tiễn còn nhiều hạn chế. Trong phạm vi Chương 3, Luận văn đã đề xuất định hướng hoàn thiện pháp luật về tổ chức quản lý DNNN là nhằm xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, phù hợp với những đặc thù của mô hình DNNN, tương thích với thông lệ quản trị quốc tế hiện đại nhằm phát huy vai trò nòng cốt của DNNN trong kinh tế nhà nước. Trên cơ sở đó, tác giả Luận văn đã đề xuất những quan điểm, giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện các quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về tổ chức quản lý DNNN ở Việt Nam hiện nay.

KẾT LUẬN

DNNN không phải là khái niệm chỉ xuất hiện ở các nước xã hội chủ nghĩa mà tồn tại ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, tuy nhiên, theo quan điểm của các nước, khái niệm DNNN không giống nhau. Ví dụ, tiêu chí về quyền sở hữu của Nhà nước trong DNNN là khác nhau, ở Úc là trên 50%, ở Tây Ban Nha là trên 50%, ở Italia là 25%, Malaysia là 20%, Hàn Quốc là 10%. Trong khi đó, theo Luật Công ty của Trung Quốc, DNNN là doanh nghiệp mà Nhà nước nắm cổ phần không chế từ 35% trở lên.

Ở nước ta, quan điểm về DNNN qua các thời kỳ cũng đã có sự thay đổi rất nhiều. Thực tế, sau 30 năm đổi mới thì DNNN chưa đạt được hiệu quả tương xứng với những nguồn lực được nắm giữ, với vị thế và những ưu đãi chính sách mà Đảng, Nhà nước, xã hội dành cho. DNNN đang trở thành bộ phận gây thất thoát, lãng phí tài nguyên, ảnh hưởng không tốt tới sự phát triển của nền kinh tế, của thể chế chính trị mà Đảng, nhân dân ta đã lựa chọn. Chính vì vậy, tái cơ cấu DNNN đã và đang là một trong ba nội dung chính mà Đảng, Nhà nước tập trung thực hiện trong chủ trương tái cơ cấu nền kinh tế.

Tổ chức quản lý DNNN về cơ bản không có gì khác biệt nhiều so với tổ chức quản lý doanh nghiệp nói chung. Theo đó, tổ chức quản lý DNNN chính là quá trình điều hành, kiểm soát và tác động liên tục để tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu của DNNN theo đúng quy định của pháp luật. Tổ chức quản lý DNNN là quá trình tác động liên tục, có tổ chức, có định hướng của người chủ doanh nghiệp làm tập thể những người lao động trong doanh nghiệp “được tạo ra bởi Chính phủ để thực hiện các hoạt động thương mại thay mặt chính phủ” sử dụng một cách tốt nhất những tiềm năng và cơ hội để tiến hành hoạt động sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp nhằm đạt được mục tiêu đề ra theo đúng luật định và thông lệ xã hội.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Sách chuyên khảo, tạp chí khoa học, luận văn thạc sĩ

1. Đinh Văn Trung (2017), "Doanh nghiệp nhà nước" - *Khái niệm và thực tiễn ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Lý luận Chính trị. Số 12/2017.
2. Nguyễn Thị Dung (2009), *Bản chất của cơ chế thực thi quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước*, Tạp chí Luật học, Số 7/2009.
3. Nguyễn Thị Thu Hà (2018), *Tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp nhà nước theo thông lệ kinh tế quốc tế*, Tạp chí Quản lý nhà nước, Số 4(267), tr. 71 – 75.
4. Trần Mạnh Tùng (2014), *Hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp nhà nước trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Viện Đại Học Mở Hà Nội.
5. Chu Phương Quỳnh (2018), *Cải cách doanh nghiệp nhà nước ở Trung Quốc và kinh nghiệm cho Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội.
6. Viên Thế Giang (2017), *Những vấn đề đặt ra khi thực thi chính sách, pháp luật về cải cách doanh nghiệp nhà nước*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, Số 1+2 (329+330), tr. 67-78.
7. Hoàng Phê (2018), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb.Hồng Đức.
8. Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb.Trung tâm Từ điển học.
9. Trần Lương Đức (2019), *Quản trị công ty đại chúng theo pháp luật Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội.
10. Trịnh Văn Tài (2016), *Quản trị công ty cổ phần theo pháp luật doanh nghiệp ở nước ta hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Luật học Học viện Khoa học xã hội.
11. Nguyễn Thị Kim Quyên (2017), *Quản trị công ty niêm yết theo Pháp luật Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Luật học Học viện Khoa học xã hội.
12. Bộ Tư pháp (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb. Từ điển Bách khoa.
13. Nguyễn Thị Mai Dung (2005), *Cơ cấu quản lý trong doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
14. Nguyễn Thuỳ Linh (2021), *Hoàn thiện khung quản trị doanh nghiệp nhà nước tại Việt Nam theo "thông lệ tốt" quốc tế*, Tạp chí Quản lý nhà nước, Số 10, tr. 37–42.
15. Đỗ Thị Kim Tiên (2014), *Hoàn thiện pháp luật về doanh nghiệp nhà nước nhằm đảm bảo sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật. Số 4/2014, tr. 27 - 31.
16. Nguyễn Ngọc Hà (2005), *Kinh nghiệm tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước tại một số nước Châu Á*, Tạp chí Tài chính Số 623, tr.54-55.

17. Phan Thị Mai (2011), *Điều lệ pháp nhân theo pháp luật Việt nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật ĐHQGHN.

18. Nguyễn Thị Thúy (2017), *Thống nhất khái niệm doanh nghiệp nhà nước theo các hiệp định tự do hóa thương mại và pháp luật Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 17(345)-tháng 9/2017.

19. Đào Thị Minh Thanh (2015), *Vài đánh giá về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước*, Tạp chí Tài chính, Số 5 (608), tr.59-61.

20. Nguyễn Văn Sơn (2020), *Nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước*, Tạp chí Quản lý nhà nước, Số 3.

21. Nguyễn Văn Sơn (2021), *Những hạn chế, tồn tại khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước*, Tạp chí Quản lý nhà nước, Số 4.

22. Nguyễn Hải Triều (2017), *Thực trạng pháp luật về sử dụng vốn tại các doanh nghiệp nhà nước*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường ĐH Luật Hà Nội.

23. Nguyễn Thị Huế (2020), *Thực trạng pháp luật Việt Nam về quản trị doanh nghiệp nhà nước*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Số 8.

24. Nguyễn Bích Phượng (2015), *Tổ chức quản lý nội bộ doanh nghiệp nhà nước theo Luật Doanh nghiệp năm 2014*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường ĐH Luật Hà Nội.

25. Tô Hồng Dung (2018), *Nghĩa vụ công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước*, Luận văn thạc sĩ, Trường ĐH Luật Tp. Hồ Chí Minh.

26. Nguyễn Văn Quang (2016), *Một số vấn đề pháp lý và thực tiễn về quản lý vốn nhà nước trong các doanh nghiệp Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Viện Đại Học Mở Hà Nội.

27. Lưu Thành Đạt (2021), *Pháp luật về đại diện của sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Mở Hà Nội.

28. Phạm Chí Công (2017), *Pháp luật về cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện quyền chủ sở hữu nhà nước đối với Doanh nghiệp nhà nước*, Luận văn thạc sĩ, Viện Đại Học Mở Hà Nội.

B. Tài liệu điện tử

29. OECD, “OECD Guidelines on Corporate Governance of State-Owned Enterprises”, xem tại:

- <https://www.oecd.org/daf/ca/SOEGuidelinesVietnamese.pdf>

- <http://cptpp.moit.gov.vn/>

- <https://luatminhkhue.vn/dieu-le-cong-ty-la-gi---khai-niem-ve-dieu-le-cua-cong-ty.aspx>

- <https://nhandan.vn/nhan-dinh/thu-tuong-chung-ta-phai-lam-gi-de-nang-cao-hieu-qua-hoat-dong-doanh-nghiep-nha-nuoc-374080/>

30. Tạp chí TAND điện tử, “10 vụ án lớn về kinh tế, tham nhũng và các vụ án điển hình được đưa ra xét xử trong năm 2018”, Xem tại:

- <https://tapchitoaan.vn/bai-viet/xet-xu-xet-xu/10-vu-an-lon-ve-kinh-te-tham-nhung-va-cac-vu-an-dien-hinh-duoc-dua-ra-xet-xu-trong-nam-2018>;

- <https://tuoitre.vn/bat-tam-giam-cuu-thu-truong-bo-gtvt-nguyen-hong-truong>;

- <https://tienphong.vn/bat-giam-nguyen-chu-tich-ubnd-tinh-binh-duong-va-nhieu-lanh-dao-khac-post1350753.tpo>

- <https://laodong.vn/xa-hoi/qua-trinh-2-khu-dat-vang-188ha-cua-nha-nuoc-o-binh-duong-qua-tay-tu-nhan-921361.ldo>

http://www.baoyenbai.com.vn/11/206104/5_dai_an_Ban_Chi_dao_Trung_uong_yeu_cau_khan_truong_xet_xu_so_tham.aspx

- <https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2021/07/Nien-giam-Tom-Tat-2020Ban-quyen.pdf>

- <http://www.mod.gov.vn/wps/portal>